TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **220**/2025/DS-PT
Ngày: 17 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Ông Trương Chí Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng****:* Bà Đoàn Thị Cẩm - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc *'Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân Khu vực 5 – thành phố Đà Nẵng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 316/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số: 419/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Uỷ ban nhân dân phường V** (cũ);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: **Uỷ ban nhân dân phường Đ**; Địa chỉ: Số 2x P, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đăng Q – Chức vụ: Phó Chủ tịch, ông Trần Văn H và bà Trần Thị Thanh L – Chuyên viên phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị Uỷ ban nhân dân phường Đ; Là những người đại diện theo uỷ quyền (*Theo Văn bản uỷ quyền số 353/UBND ngày 15/9/2025 của bà Nguyễn Thị Thúy H - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Đ*). Ông Q xin xét xử vắng mặt, ông H và bà L có mặt.

2. Bị đơn: **Ngân hàng Q**; Địa chỉ: Số 1x L, phường Y, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung Thái – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Nguyễn Việt T, CCCD số 027084000xxx;
- Ông Huỳnh Lê Thanh H, CCCD số 049091016xxx;
- Ông Hoàng Thái S, CCCD số 001089005xxx.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 1xx L, phường H, thành phố Đà Nẵng

Là những người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp đồng ủy quyền số: 162/UQ.XXX ngày 21/02/2025 của ông Lưu Trung T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Văn bản ủy quyền (V/v tham gia tố tụng) số: 481/UQ-XXX ngày 04/6/2025 của ông Mạc Đức T, Giám đốc Q Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên.

Ông H có mặt, ông T và ông S vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty S; Địa chỉ: Thôn T, phường Đ, thành phố Đà Nẵng (phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cũ). Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân V – Giám đốc. Vắng mặt.

4. Do có kháng cáo của bị đơn – Ngân hàng Q và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12/8/2022 Uỷ ban nhân dân phường V (gọi tắt UBND phường V) và Công ty S (gọi tắt Công ty S) ký hợp đồng số 06/2022/HĐ-TCXD về việc thi công xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng tuyến đường T (đoạn từ M đến C). Tiếp đó các bên đã ký kết các phụ lục hợp đồng: số 01/PL-HĐTCXD ngày 07/12/2022, số 03/PL-HĐTCXD ngày 26/5/2023, số 04/PL-HĐTCXD ngày 26/9/2023, số 05/PL-HĐTCXD ngày 30/01/2024.

Theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng số 06/2022/HĐ-TCXD ngày 12/8/2022, sau khi UBND phường V nhận được thư bảo lãnh tạm ứng số 334MD2225107xxx ngày 09/9/2022 do Ngân hàng Q (gọi tắt Q-chi nhánh Q) phát hành thì UBND phường V sẽ chuyển tạm ứng cho Công ty S tương đương với số tiền bảo lãnh tạm ứng. Vì vậy, ngay khi nhận được Thư bảo lãnh tạm ứng số 334MD2225107xxx ngày 09/9/2022, UBND phường V đã thực hiện tạm ứng số tiền: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) cho Công ty S.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty S luôn bị chậm tiến độ thi công, UBND phường V đã gia hạn nhiều lần để Công ty S thực hiện công việc. Tuy nhiên, Công ty S vẫn không thể hoàn thành công việc theo thoả thuận để được nghiệm thu, thanh toán. Khối lượng công trình mà Công ty S thực hiện không tương ứng với số tiền UBND phường V đã tạm ứng. Ngày 15/4/2024, Công ty S

đã gửi Công văn số 17/CV-Cty xin chấm dứt hợp đồng và đã dừng toàn bộ công việc thi công trên công trường. Trên cơ sở đó, ngày 18/7/2024 UBND phường V đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND về việc chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng số 06/2022/HĐ-TCXD ngày 12/8/2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo với Công ty S.

Căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu khối lượng thì Công ty S chỉ thi công được khối lượng trị giá 1.564.795.627 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng), số tiền Công ty S tạm ứng còn nợ lại UBND phường V chưa thu hồi là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Mặc dù Ngân hàng Q đã nhận đủ hồ sơ, đồng thời UBND phường V đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại đến Ngân hàng Q yêu cầu thanh toán nhưng Ngân hàng Q vẫn không thanh toán số tiền tạm ứng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cho UBND phường V.

Ngày 06/11/2024, UBND phường V tiếp tục có Công văn số 16/UBND về việc chỉ đạo giải quyết hoàn trả tiền tạm ứng theo thư bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng trước gửi cho Ngân hàng Q; Ngân hàng Q; Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, Ngân hàng Q - Chi nhánh Quảng Nam phúc đáp từ chối thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thư bảo lãnh số 334MD2225107xxx ngày 09/9/2022.

Việc Ngân hàng Q cố tình kéo dài thời gian, từ chối thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền tạm ứng nêu trên cho UBND phường V đã gây thiệt hại đến ngân sách Nhà nước, UBND phường V không có vốn để tiếp tục thực hiện công trình và thanh toán nợ khối lượng cho Nhà thầu mới để tiếp tục thi công hoàn thiện đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Vì vậy, UBND phường V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ tuyên buộc Ngân hàng Q phải hoàn trả số tiền bảo lãnh tạm ứng còn lại là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cho UBND phường V theo quy định của pháp luật.

** Đại diện bị đơn Ngân hàng Q trình bày:*

Ngày 09/9/2022 Ngân hàng Q có phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước cho UBND phường V, thị xã Đ với số tiền bảo lãnh ứng trước đối với Công ty S số tiền 1.233.749.400 đồng để thực hiện dự án thi công công trình.

Ngày 15/9/2022 UBND phường V đã chuyển vào tài khoản Công ty S số tiền 1.200.000.000đ nhưng Ngân hàng Q hoàn toàn không biết việc chuyển tiền. Căn cứ theo Mục 3 của Thư bảo lãnh hoàn trả ứng trước thì việc UBND phường V chuyển tiền ứng trước chưa đủ nên Thư bảo lãnh chưa phát sinh hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Công ty S và Ngân hàng Q* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa;

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng) quyết định:*

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 335, Điều 336, Điều 340 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân phường V về việc: "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" với bị đơn Ngân hàng Q.

Buộc Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ủy ban nhân dân phường V số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 334MD2225107xxx ngày 09/9/2022 của Ngân hàng Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ phải thi hành án không thanh toán khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Q phải chịu 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án dân sự của các bên đương sự.

* Ngày 01 tháng 7 năm 2025, bị đơn Ngân hàng Q có Đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số: 96/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 27 tháng 7 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số: 05/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số: 96/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

Nội dung kháng nghị:

Bản án sơ thẩm có vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

- Về xác định thời điểm hiệu lực phát sinh bảo lãnh: Tại khoản 8.2 Điều 8 Hợp đồng 06 các bên xác định giá trị Hợp đồng là 4.112.498.000 đồng và giá trị tạm ứng là 30% giá trị Hợp đồng là 1.233.749.400 đồng. Tại Đề nghị phát hành bảo lãnh Công ty S đề nghị phát hành bảo lãnh tạm ứng theo Hợp đồng 06. Thư bảo lãnh của Ngân hàng: "*... bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước này có hiệu lực kể từ khi toàn bộ tiền tạm ứng theo Hợp đồng về tài khoản số 0000579102xxx của Bên được bảo lãnh tại Q cho đến khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết tiền*

tạm ứng". Tuy nhiên, UBND phường V thực hiện việc tạm ứng số tiền 1.200.000.000đ không đúng với số tiền tạm ứng được hai bên thống nhất thỏa thuận tại Hợp đồng và trong Thư bảo lãnh.

Theo Điều 20 Thông tư số: 61/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về bảo lãnh ngân hàng thì thời hạn cam kết bảo lãnh, cấp bảo lãnh do các bên thỏa thuận. Hợp đồng 06 xác định thời điểm có hiệu lực sau khi phát hành tức là khi thanh toán toàn bộ số tiền tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng là 1.233.749.400 đồng.

- Theo thỏa thuận cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng, Công ty S có nghĩa vụ thông báo việc UBND phường V chuyển khoản số tiền tạm ứng cho Ngân hàng, nhưng Công ty S không thực hiện dẫn đến Ngân hàng không biết và không ý kiến về số tiền tạm ứng không đúng theo thư bảo lãnh. Đồng thời, không có quy định nào bắt buộc Ngân hàng sau phát hành Thư bảo lãnh phải có trách nhiệm theo dõi đôn đốc để UBND phường V thực hiện chuyển đủ số tiền tạm ứng theo Thư bảo lãnh. Do đó, việc chuyển số tiền tạm ứng không đủ 30% giá trị Hợp đồng theo Thư bảo lãnh là lỗi của UBND phường V, không phải lỗi và trách nhiệm của Ngân hàng.

- Đại diện UBND phường V xác nhận khi nhận được Thư bảo lãnh của Ngân hàng đã đọc, hiểu và thống nhất với tất cả nội dung, điều khoản của Thư bảo lãnh và không có ý kiến. Giữa Công ty S và UBND phường V không có văn bản thoả thuận, phụ lục nào khác thay đổi, điều chỉnh số tiền tạm ứng giá trị Hợp đồng.

Nhận thấy, UBND phường V thực hiện việc tạm ứng số tiền 1.200.000.00đ là không đúng số tiền tạm ứng theo Hợp đồng 06 và Thư bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng của Ngân hàng. Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của UBND phường V, buộc Ngân hàng Q có nghĩa vụ thanh toán cho UBND phường V số tiền 1.000.000.000 đồng là không có cơ sở.

Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử theo hướng: Huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 96/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ).

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn Ngân hàng Q giữ nguyên các căn cứ kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng cũng giữ nguyên các các cứ kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, đại diện bị đơn và đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng không yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm như đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị mà chỉ đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 05/QĐ-VKS-DS ngày 27 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và kháng cáo của bị đơn Q. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng

[1] Về thời hạn, nội dung kháng cáo của bị đơn, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ngày 01 tháng 7 năm 2025 Toà án nhân dân Khu vực 5 –Đà Nẵng nhận được Đơn kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Q, và ngày 27 tháng 7 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số: 05/QĐ-VKS-DS, nội dung kháng cáo, kháng nghị toàn bộ bản án, đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 96/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tam Kỳ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung và thời hạn kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là đảm bảo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280 và 281 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Ngân hàng Q đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Q và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên các căn cứ kháng cáo, kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm, nhưng không yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm như đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị mà chỉ đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Việc bị đơn và đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là không vượt quá phạm vi kháng cáo cũng như kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định Ngân hàng Q – Chi nhánh Quảng Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015, chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân. Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của pháp nhân. Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh đại diện xác lập, thực hiện. Ngân hàng Q – Chi nhánh Quảng Nam là đơn vị phụ thuộc của Ngân hàng Q, không có tư cách pháp nhân.

Ngân hàng Q có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do Chi nhánh Quảng Nam đại diện xác lập, thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi nhánh Quảng Nam thuộc Ngân hàng Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX xác định lại Chi nhánh Q thuộc Ngân hàng Q không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự. Toà án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty S tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với Công ty S.

Về nội dung

[5] Nội dung kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Q và Kháng nghị số: 05/QĐ-VKS-DS của VKSND thành phố Đà Nẵng cùng đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Do đó, HĐXX xét đồng thời kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của VKSND thành phố Đà Nẵng.

[5.1] Ngày 12/8/2022 Ủy ban nhân dân phường V (UBND phường V) và Công ty S ký Hợp đồng số: 06/2022/HĐ-TCXD về việc thi công xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng tuyến đường T (đoạn từ M đến C) (gọi tắt là Hợp đồng). Giá trị Hợp đồng là 4.112.498.000 đồng; Số tiền tạm ứng là 30% giá trị Hợp đồng. (khoản 8.1, 8.2 Điều 8 Hợp đồng).

[5.2] Theo Đề nghị phát hành bảo lãnh ngày 08/9/2022 Công ty S đối với nghĩa vụ được bảo lãnh tạm ứng theo Hợp đồng trên. Ngày 09/9/2022 Ngân hàng Q – Chi nhánh Quảng Nam (Ngân hàng Q) phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 334MD2225107xxx gửi cho UBND phường V (Thư bảo lãnh), cụ thể: *1. Nghĩa vụ bảo lãnh: Bảo đảm nghĩa vụ thanh toán trả tiền ứng trước mà Bên được bảo lãnh (Công ty S) đã nhận của Bên nhận bảo lãnh (UBND phường V) theo Hợp đồng 06/2022/HĐ-TCXD, không bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, trừ trường hợp được Ngân hàng chấp thuận. 2. Số tiền bảo lãnh: Tối đa là 1.233.749.400 đồng. 3. Thời hạn bảo lãnh: Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước này có hiệu lực kể từ khi toàn bộ tiền tạm ứng theo Hợp đồng về tài khoản số 0000579102xxx của Bên được bảo lãnh tại Q cho đến khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết tiền tạm ứng ("Thời hạn hiệu lực").*

…

[5.3] Xét, Thư bảo lãnh được Ngân hàng phát hành theo yêu cầu của Công ty S cho bên nhận bảo lãnh là UBND phường V theo đúng thoả thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Thông tư số: 11/2022/TT-NHNN ngày ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng, tại khoản 1 Điều 20 quy định: *Thời hạn hiệu lực của cam kết bảo*

lãnh được xác định từ thời điểm phát hành cam kết bảo lãnh hoặc sau thời điểm phát hành cam kết bảo lãnh theo thỏa thuận của các bên liên quan .... Tại Mục 3 của Thư bảo lãnh quy định *Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước này có hiệu lực kể từ khi **toàn bộ tiền tạm ứng theo Hợp đồng** về tài khoản số 0000579102699 của Bên được bảo lãnh tại Q*. Đây được xem là điều kiện để *bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước bắt đầu thời hạn có kiệu lực* để thực hiện cam kết của Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án đại diện UBND phường V xác nhận đã nhận được Thư bảo lãnh do Ngân hàng phát hành, đã đọc, hiểu và thống nhất với tất cả nội dung của Thư bảo lãnh và không có ý kiến phản đối nội dung của Thư bảo lãnh. Như vậy, điều kiện để bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước bắt đầu có hiệu lực mà Ngân hàng đưa ra đã được sự thống nhất của UBND phường V (Bên nhận bảo lãnh).

[5.4] Điều 8 Hợp đồng số 06/2022/HĐ-TCXD quy định: Giá trị Hợp đồng hai bên ký kết là 4.112.498.000 đồng và giá trị tạm ứng theo Hợp đồng là 30% giá trị Hợp đồng. Như vậy, giá trị tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng tương ứng với số tiền là **1.233.749.400 đồng**. Như đã phân tích trên, điều kiện để bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước bắt đầu thời hạn có hiệu lực là kể từ khi toàn bộ tiền tạm ứng là 1.233.749.400 đồng về tài khoản số 0000579102xxx của Công ty S tại Q. UBND phường Vĩnh Điện biết tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng tương ứng với số tiền là 1.233.749.400 đồng, nhưng chỉ chuyển về tài khoản số 0000579102xxx của Bên được bảo lãnh số tiền 1.200.000.000đ, thiếu 33.749.400 đồng nên chưa đủ điều kiện để bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước bắt đầu thời hạn có hiệu lực như trình bày của Ngân hàng là có cơ sở. Tại Mục 2 Thư bảo lãnh quy định số tiền bảo lãnh tối đa là 1.233.749.400 đồng, là phạm vi bảo lãnh theo cam kết của Ngân hàng không phải thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh như đã phân tích trên. Cũng không có thoả thuận hoặc quy định nào bắt buộc Ngân hàng phải có nghĩa vụ thông báo cho UBND phường V biết để chuyển cho đủ số tiền 1.233.749.400 đồng. Do UBND phường V không chuyển đủ số tiền tạm ứng 1.233.749.400 đồng, chưa bắt đầu thời hạn có hiệu lực nên chưa đủ điều kiện thanh toán như cam kết của Ngân hàng trong Thư bảo lãnh. Do đó, Bản án sơ thẩm nhận định Thư bảo lãnh do Ngân hàng phát hành đã có hiệu lực, tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của UBND phường V, buộc Ngân hàng Q có nghĩa vụ thanh toán cho UBND phường V số tiền 1.000.000.000 đồng là không có cơ sở.

[6] Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng; Chấp nhận kháng nghị của VKSND Tp Đà Nẵng; Sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án:

[7.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính lại như sau: Nguyên đơn UBND phường Đ (kế thừa UBND phường V) phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 42.000.000đ (*Bốn mươi hai triệu đồng*) do yêu cầu khởi

kiện không được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn Ngân hàng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7.2] Án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Q và kháng nghị của VKSND thành phố Đà Nẵng.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 96/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 335, Điều 336, Điều 340 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 11 Thông tư số: 11/2022/TT-NHNN ngày ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng;

- Khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân phường V (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND phường Đ, thành phố Đà Nẵng) về việc: *Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"*với bị đơn Ngân hàng Q về việc buộc Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ủy ban nhân dân phường V số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 334MD2225107xxx ngày 09/9/2022 của Ngân hàng Q.

2. Án phí dân sự:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- UBND phường Đ, thành phố Đà Nẵng (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của kế thừa UBND phường V) phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là

42.000.000đ (*Bốn mươi hai triệu đồng*), được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001844 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng). UBND phường Đ còn phải chịu số tiền án phí sơ thẩm còn lại là 21.000.000đ.

- Ngân hàng Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Ngân hàng Q không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000575 ngày 16/7/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THADS TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Tp Tam Kỳ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5);
- Tòa án nhân dân Khu vực 5;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu